

Số: 735 /BC-TCKH

Tân Uyên, ngày 07 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2022 trình HĐND huyện

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Báo cáo số 2991/BC-UBND ngày 02/12/2021 của UBND huyện Tân Uyên về tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2021; dự toán và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Tờ trình số 2992/TTr-UBND ngày 02/12/2021 của UBND huyện về dự thảo Nghị quyết dự toán thu ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022.

Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2022 trình HĐND huyện như sau:

1. Dự toán thu

Tổng thu ngân sách địa phương 430.620 triệu đồng (*gồm thu ngân sách huyện hưởng, thu bổ sung NS cấp trên*), tăng 1,1% so với kế hoạch tỉnh giao.

Trong đó:

- Tổng thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 66.000 triệu đồng, tăng 9,3% so với kế hoạch tỉnh giao. Trong đó, thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp là 57.880 triệu đồng, tăng 8,6% so với kế hoạch tỉnh giao, gồm:

- + Thuế ngoài quốc doanh: 21.000 triệu đồng, bằng dự toán tỉnh giao;
- + Lệ phí trước bạ: 3.500 triệu đồng, bằng dự toán tỉnh giao;
- + Thuế thu nhập cá nhân: 1.400 triệu đồng, bằng dự toán tỉnh giao;
- + Thu phí, lệ phí: 1.000 triệu đồng, bằng dự toán tỉnh giao;
- + Tiền sử dụng đất: 34.100 triệu đồng, tăng 17,6% so với dự toán tỉnh giao;
- + Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 1.500 triệu đồng, bằng dự toán tỉnh giao;
- + Thu khác ngân sách: 3.327 triệu đồng, tăng 10,9% so với dự toán tỉnh giao;

+ Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản: 173 triệu đồng (chỉ tiêu này tỉnh không giao);

- Thu bổ sung NS cấp trên: 372.740 triệu đồng, bằng dự toán tỉnh giao.

Trong đó:

+ Thu bổ sung cân đối: 323.648 triệu đồng;

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 49.092 triệu đồng;

2. Dự toán chi

Dự toán chi NSDP được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 của tỉnh để phân bổ dự toán chi phù hợp với điều kiện thực tế các địa phương; đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho con người, chi hoạt động và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương. Theo đó, dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo nguyên tắc sau:

- Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ huyện, nguồn lực hỗ trợ của Tỉnh và khả năng cân đối ngân sách của địa phương để phân bổ;

- Đảm bảo tiền lương, phụ cấp lương, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp và phụ cấp, trợ cấp khác theo quy định với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách an sinh xã hội, chính sách cho học sinh lĩnh vực sự nghiệp giáo dục - đào tạo

- Ưu tiên chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo và các nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương;

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi theo hướng triệt để tiết kiệm, hiệu quả gắn với tinh giản bộ máy, biên chế và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách. Lồng ghép nguồn vốn thực hiện các Chương trình, dự án giảm bớt sự trùng lặp, chồng chéo.

*** Trên cơ sở đó, dự toán chi được phân bổ như sau:**

Tổng chi ngân sách địa phương 430.620 triệu đồng, tăng 1,1% so với tỉnh giao. Cụ thể như sau:

- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 430.620 triệu đồng, tăng 1,1% so với tỉnh giao, gồm:

+ Chi đầu tư phát triển 45.454 triệu đồng, chiếm 10,5% tổng chi cân đối ngân sách địa phương, bằng với tỉnh giao.

+ Chi thường xuyên 373.770 triệu đồng, chiếm 86,8% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

+ Dự phòng ngân sách: 5.887 triệu đồng, chiếm 1,4 % tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

+ Tăng thu ngân sách năm 2022 (không bao gồm tăng thu tiền sử dụng đất): 500 triệu đồng, chiếm 0,1% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

+ Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên để CCTL: 5.009 triệu đồng, chiếm 1,2% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

3. Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện dự toán NSNN năm 2022

3.1. Về thu ngân sách

Để hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn so với dự toán Tỉnh giao và phấn đấu thu vượt kế hoạch đã đề ra; cần có sự quyết tâm cao của các cấp, các ngành trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả một số giải pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí. Cải cách hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế, mở rộng thực hiện hóa đơn điện tử, kết nối thông tin với Ngân hàng Nhà nước và KBNN để quản lý thu thuế. Tăng cường công tác đối thoại với các Doanh nghiệp nhằm giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của Doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả và thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Quản lý chặt chẽ các khoản thu, đặc biệt là thu công thương nghiệp ngoài quốc doanh, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, khai thác hiệu quả nguồn thu trên cơ sở sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, gắn với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra, rà soát việc chuyển nhượng đất đai, chuyển nhượng mua bán tài sản có đăng ký sử dụng; theo dõi, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc kê khai thuế của người nộp thuế ngay từ đầu năm.

- Đối với nguồn thu từ đất, tổ chức triển khai có hiệu quả việc rà soát chuyển đổi mục đích sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; đẩy nhanh tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất tại những vị trí có lợi thế để hoàn thành kế hoạch thu tiền sử dụng đất năm 2021 đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư, cũng như tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, đôn đốc thu kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra. Tập trung xử lý thu hồi nợ đọng thuế, phấn đấu số nợ thuế giảm xuống dưới 5% so với tổng thu ngân sách trên địa bàn.

3.2. Về chi ngân sách

Điều hành ngân sách Nhà nước theo đúng quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu

quả, chống lãng phí, chú trọng công tác công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư cấp bách và các chính sách an sinh xã hội; hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán và tạm ứng vốn. Đồng thời thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương năm 2022.

a) Đối với chi thường xuyên

- Thực hiện đảm bảo cơ cấu chi thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, chi an sinh xã hội, chi đảm bảo cho sự nghiệp giáo dục theo định mức; quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên đảm bảo theo đúng dự toán và các chính sách chế độ, định mức chi tiêu đã ban hành, đảm bảo hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí.

- Tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả các nguồn vốn chương trình mục tiêu cho các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách xã hội, nhằm khắc phục khó khăn, đảm bảo thực hiện kịp thời các chính sách về chế độ tiền lương mới cho cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn.

- Các cơ quan, đơn vị tuân thủ nghiêm theo quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng trên cơ sở cân đối kinh phí được giao, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng theo quy định của pháp luật; chỉ đề xuất các nội dung phát sinh ngoài dự toán năm 2022 thực sự cấp bách như thiên tai, dịch bệnh, các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chi của các đơn vị dự toán, UBND các xã, thị trấn để đảm bảo các nguồn vốn được sử dụng đúng mục đích, mang lại hiệu quả thiết thực cho các đối tượng được thụ hưởng.

b) Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản

- Tiếp tục tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương, nguồn bổ sung có mục tiêu, mục tiêu Quốc gia từ ngân sách tỉnh. Phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển năm 2022 phải thực hiện chặt chẽ theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật. Rà soát, sắp xếp danh mục các công trình, dự án đầu tư phù hợp với khả năng cân đối của nguồn vốn, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hạn chế nợ đọng vốn. Quyết định đình hoãn các dự án chưa thực sự cấp bách, cần thiết để điều chỉnh cho những công trình sớm hoàn thành đưa vào sử dụng và phát huy tốt hiệu quả sau đầu tư trong năm 2022, các dự án cấp bách phục vụ an sinh xã hội.

- Chủ động giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình đảm bảo tiến độ, nhất là những dự án thuộc các nguồn vốn chương trình mục tiêu, MTQG. Thực hiện nghiêm túc công tác

nghiệm thu theo từng giai đoạn để đảm bảo tiến độ giải ngân và thanh toán khối lượng hoàn thành để thu hồi tạm ứng đối với các dự án còn dư nợ kéo dài.

- Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra Nhà nước đối với hoạt động xây dựng trên địa bàn, đảm bảo các dự án được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, chất lượng quy định, tránh thất thoát, lãng phí trong hoạt động đầu tư.

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2022 trình HĐND huyện của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy
 - TT. HĐND huyện
 - Sở Tài chính;
 - Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
 - Các đơn vị sử dụng ngân sách huyện;
 - Trang thông tin điện tử huyện; (Đăng tải)
 - Lưu: TCKH.
- } (b/c)

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Văn Huân

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCKH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (%) (1)
A	B	1	2	3	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	429.677	532.140	430.620	81%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	35.950	38.500	57.880	150%
-	Thu NSDP hưởng 100%	18.450	21.000	30.600	146%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	17.500	17.500	27.280	156%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	393.727	408.186	372.740	91%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	339.129	339.129	323.648	95%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	54.598	69.057	49.092	71%
III	Thu kết dư		204		0%
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		83.050		0%
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp dưới nộp lên	-	2.200	-	0%
B	TỔNG CHI NSDP	429.677	465.285	430.620	100%
I	Tổng chi cân đối NSDP	429.677	417.618	430.620	100%
1	Chi đầu tư phát triển	35.674	36.755	45.454	127%
2	Chi thường xuyên	388.121	380.863	373.770	96%
3	Dự phòng ngân sách	3.201		5.887	184%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	2.181		5.009	230%
5	Tăng thu Ngân sách chưa bố trí nhiệm vụ chi (không bao gồm tăng thu tiền sử dụng đất)	500		500	100%
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	12.323	-	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		10.072		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		2.251		
III	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	-	35.344		

Ghi chú: (1) Đối với các chi tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chi tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCKH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (%) (1)
A	B	1	2	3	5
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	428.766	525.998	429.803	82%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	35.039	37.589	57.063	152%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	393.727	408.186	372.740	91%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	339.129	339.129	323.648	95%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	54.598	69.057	49.092	71%
3	Thu kết dư		-		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		78.023		0%
5	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		2.200		0%
II	Chi ngân sách	428.766	460.451	430.003	100%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	375.192	401.198	377.467	101%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	53.574	59.253	52.536	98%
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	47.414	47.414	49.876	105%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	6.160	11.839	2.660	43%
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	54.485	65.395	53.353	82%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	911	911	817	90%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	53.574	59.253	52.536	89%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	47.414	47.414	49.876	105%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	6.160	11.839	2.660	22%
3	Thu kết dư		204		0%
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.027		0%
II	Chi ngân sách	54.485	64.087	53.353	98%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	54.485	64.087	53.353	98%

Ghi chú: ((1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCXH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

Biểu số 71/CK-NSNN

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	S=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	46.600	38.500	66.000	57.880	142%	150%
I	Thu nội địa	46.600	38.500	66.000	57.880	142%	150%
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.150	9.150	21.000	21.000	230%	230%
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.200	1.200	1.400	1.400	117%	117%
3	Lệ phí trước bạ	3.800	3.800	3.500	3.500	92%	92%
4	Thu phí, lệ phí	800	700	1.000	900	125%	129%
-	Phí và lệ phí trung ương	100		100		100%	
-	Phí và lệ phí huyện, xã	700	700	900	900	129%	129%
5	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	4.000	4.000	1.500	1.500	38%	38%
6	Thu tiền sử dụng đất	25.000	17.500	34.100	27.280	136%	156%
7	Thu khác ngân sách	2.500	2.000	3.327	2.127	133%	106%
8	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	150	150	173	173		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCKH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	430.620	377.267	53.353
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	430.620	377.267	53.353
I	Chi đầu tư phát triển	45.454	45.454	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	45.454	45.454	-
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	27.280	27.280	
-	Chi XDDB tập trung (Vốn trong nước)	18.174	18.174	
II	Chi thường xuyên	373.770	321.686	52.084
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	210.962	210.962	-
2	Chi khoa học và công nghệ (2)			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	5.887	5.076	811
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	5.009	4.551	458
VII	Tăng thu Ngân sách năm 2022 (không bao gồm tăng thu tiền sử dụng đất)	500	500	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCKH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	429.803
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	52.536
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	377.267
I	Chi đầu tư phát triển	45.454
II	Chi thường xuyên	321.686
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	210.962
-	Chi quốc phòng	5.196
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	550
-	Chi văn hóa thông tin	1.675
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.328
-	Chi thể dục thể thao	623
-	Chi bảo vệ môi trường	3.000
-	Chi các hoạt động kinh tế	51.052
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	31.404
-	Chi bảo đảm xã hội	12.476
-	Chi thường xuyên khác	1.420
III	Dự phòng ngân sách	5.076
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	4.551
V	Tăng thu Ngân sách năm 2022 (không bao gồm tăng thu tiền sử dụng đất)	500
VI	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-
VII	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCKH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách, tăng thu ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	377.267	45.454	321.686	5.576	4.551	-	-	-
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	6.366		6.366					
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.116		1.116					
3	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	12.620		12.620					
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.686		2.686					
5	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11.521		11.521					
6	Văn phòng Huyện ủy	9.333		9.333					
7	Phòng Giáo dục và Đào tạo	15.580		15.580					
8	Phòng Nội vụ	4.605		4.605					
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4.268		4.268					
10	Phòng Tư pháp	728		728					
11	Thanh tra huyện	1.051		1.051					
12	Phòng Y tế	572		572					
13	Phòng Dân tộc	480		480					
14	Phòng Văn hóa và Thông tin	695		695					
15	Hội Luật gia	20		20					
16	Ủy ban MTTQ huyện	866		866					
17	Hội Người cao tuổi	93		93					
18	Hội Nông dân	1.095		1.095					

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách, tăng thu ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
19	Hội Cựu chiến binh	604		604					
20	Huyện đoàn	854		854					
21	Hội Phụ nữ	744		744					
22	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1.581		1.581					
23	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	4.656		4.656			-		
24	Trung tâm Phát triển quỹ đất	624		624					
25	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	5.606		5.606					
26	Hội Chữ thập đỏ	258		258					
27	Ban Quản lý rừng phòng hộ	7.543		7.543					
28	Truyền thanh - Truyền hình	5.626		5.626					
29	Công an	550		550					
30	Huyện đội	5.596		5.596					
31	Chi cục Thuế huyện Tân Uyên	150		150					
32	Ngân hàng chính sách	1.250		1.250					
33	Ban QLDA XDCB và Hỗ trợ bồi thường di dân TĐC Tân Uyên	15.028		15.028					
34	Đảng bộ Công ty Cổ phần Trà Than Uyên	54		54					
35	Viện kiểm sát nhân dân	30		30					
36	Tòa án nhân dân huyện	40		40					
37	Chi cục Thi hành án dân sự	40		40					
38	Trường Mầm non số 1 TT Tân Uyên	7.603		7.603					
39	Trường Mầm non số 2 TT Tân Uyên	6.279		6.279					
40	Trường Mầm non Thân Thuộc	4.464		4.464					

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách, tăng thu ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
41	Trường Mầm non Trung Đồng	5.391		5.391					
42	Trường Mầm non Pắc Ta	5.155		5.155					
43	Trường Mầm non Hồ Mít	4.161		4.161					
44	Trường Mầm non Phúc Khoa	4.438		4.438					
45	Trường Mầm non Mường Khoa	6.947		6.947					
46	Trường Mầm non Nậm Cắn	2.582		2.582					
47	Trường Mầm non Nậm Sỏ	7.239		7.239					
48	Trường Mầm non Tà Mít	1.547		1.547					
49	Trường Tiểu học số 1 TT Tân Uyên	8.480		8.480					
50	Trường Tiểu học số 2 TT Tân Uyên	11.596		11.596					
51	Trường Tiểu học xã Thân Thuộc	6.139		6.139					
52	Trường Tiểu học xã Trung Đồng	9.749		9.749					
53	Trường Tiểu học xã Pắc Ta	8.616		8.616					
54	Trường PTDTBT TH xã Hồ Mít	6.851		6.851					
55	Trường Tiểu học xã Phúc Khoa	5.734		5.734					
56	Trường PTDTBT TH xã Mường Khoa	9.648		9.648					
57	Trường Tiểu học xã Nậm Cắn	4.689		4.689					
58	Trường PTDTBT TH xã Nậm Sỏ	9.537		9.537					
59	Trường THCS TT Tân Uyên	6.044		6.044					
60	Trường THCS Hoàng Liên	4.826		4.826					
61	Trường THCS xã Thân Thuộc	3.151		3.151					
62	Trường THCS xã Trung Đồng	6.022		6.022					
63	Trường THCS xã Pắc Ta	3.984		3.984					

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách, tăng thu ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
64	Trường PTDTBT THCS xã Hồ Mít	4.004		4.004					
65	Trường THCS xã Phúc Khoa	3.398		3.398					
66	Trường THCS xã Mường Khoa	5.192		5.192					
67	Trường THCS xã Nậm Cắn	2.407		2.407					
68	Trường PTDTBT THCS xã Nậm Sò	5.944		5.944					
69	Trường Tiểu học & THCS xã Tà Mít	3.910		3.910					
70	Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	4.269		4.269					
72	Chưa phân bổ	7.162		7.162					
73	Chi dự phòng ngân sách cấp huyện	5.076			5.076				
74	Tăng thu Ngân sách năm 2020	500			500				
75	Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	4.551				4.551			
74	Chi đầu tư XDCB tập trung	18.174	18.174						
75	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	27.280	27.280						



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCKH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi văn hóa thông tin	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi đầu tư khác
						Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản		
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7	8
	TỔNG SỐ (I+II)	45.454	17.568	4.936	19.664	19.664	-	-	3.286
A	Ban QLDA XDCB & HTBT DD TĐC huyện	42.168	17.568	4.936	19.664	19.664	-	-	-
I	Xây dựng cơ bản tập trung	18.174	7.348	2.345	8.481	8.481	-	-	-
1	Đường giao thông bản Tạng Đán xã Thân Thuộc đi bản Phiêng Phát xã Trung Đồng	589			589	589			
2	Đường giao thông vùng chè xã Phúc Khoa	1.250			1.250	1.250			
3	Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên	1.448	1.448		-				
4	Trường Tiểu học xã Phúc Khoa - điểm trung tâm	900	900		-				
5	Đường giao thông Tổ dân phố 3 thị trấn Tân Uyên đi bản Pầu Pát xã Thân Thuộc	1.800			1.800	1.800			
6	Đường bờ kè Tổ dân phố 26 đi Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	1.600			1.600	1.600			
7	Đường sản xuất xã Nậm Sò	1.642			1.642	1.642			
8	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	2.345		2.345	-				
9	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	2.400	2.400		-				
10	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	1.600			1.600	1.600			
11	Trường Tiểu học xã Trung Đồng - điểm trung tâm	1.800	1.800		-				
12	Trường TH & THCS xã Tà Mít - điểm trung tâm	800	800		-				
II	Thu sử dụng đất	23.994	10.220	2.591	11.183	11.183	-	-	-
1	Đường giao thông vùng chè xã Phúc Khoa	594			594	594			
2	Đường giao thông Tổ dân phố 3 thị trấn Tân Uyên đi bản Pầu Pát xã Thân Thuộc	2.160			2.160	2.160			
3	Đường bờ kè Tổ dân phố 26 đi Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	1.920			1.920	1.920			
4	Đường sản xuất xã Nậm Sò	3.299			3.299	3.299			
5	Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên	3.000	3.000		-				
6	Đường giao thông tổ dân phố 7 TT Tân Uyên	2.310			2.310	2.310			
7	Trường Tiểu học xã Phúc Khoa - điểm trung tâm	4.400	4.400		-				
8	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	2.591		2.591	-				
9	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	1.350	1.350		-				
10	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	900			900	900			
11	Trường Tiểu học xã Trung Đồng - điểm trung tâm	1.020	1.020		-				
12	Trường TH & THCS xã Tà Mít - điểm trung tâm	450	450		-				
B	Phòng Tài nguyên & Môi trường	3.286	-	-	-	-	-	-	3.286
I	Thu sử dụng đất	3.286	-	-	-	-	-	-	3.286
1	Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	2.755			-				2.755
2	Lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Tân Uyên	449			-				449
3	Thực hiện thống kê đất đai huyện Tân Uyên	82			-				82

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCKH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó								Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ	321.686	210.962	1.675	3.328	623	51.052	3.557	23.213	31.404	12.476	1.420	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	6.366								6.366			
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.116								1.116			
3	Phòng Lao động TB và Xã hội	12.620					40			950	11.630		
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.686					1.760			926			
5	Phòng Nông nghiệp và PTNT	11.521					10.141		10.091	1.380			
6	Văn phòng Huyện ủy	9.333								9.183		150	
7	Phòng Giáo dục và Đào tạo	15.580	14.180							1.400			
8	Phòng Nội vụ	4.605	2.568							1.237		800	
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4.268					250			958		60	
10	Phòng Tư pháp	728								728			
11	Thanh tra huyện	1.051								1.051			
12	Phòng Y tế	572					70			502			
13	Phòng Dân tộc	480								480			
14	Phòng Văn hóa và Thông tin	695					45			650			
15	Hội Luật gia	20					20						
16	Ủy ban MTTQ huyện	866					20			846			
17	Hội Người cao tuổi	93					93						
18	Hội Nông dân	1.095					15			780		300	
19	Hội Cựu chiến binh	604								604			
20	Huyện đoàn	854								854			
21	Hội Phụ nữ	744					15			729			

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
								Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
22	Trung tâm chính trị	1.581	1.581									
23	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	4.656	4.656									
24	Trung tâm Phát triển quỹ đất	624					624					
25	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	5.606					5.606		5.606			
26	Hội Chữ thập đỏ	258					258					
27	Ban Quản lý rừng phòng hộ	7.543					7.516		7.516	27		
28	Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông	5.626		1.675	3.328	623						
29	Công an	550										
30	Ban Chỉ huy quân sự huyện	5.596					400					
31	Chi cục Thuế huyện Tân Uyên	150					150					
32	Ngân hàng chính sách	1.250					1.250					
33	Ban QLDA XDCB và Hỗ trợ bồi thường di dân TĐC Tân Uyên	15.028					15.028	3.557				
34	Đảng bộ Công ty Cổ phần Trà Than Uyên	54								54		
35	Viện kiểm sát nhân dân	30										30
36	Tòa án nhân dân huyện	40										40
37	Chi cục Thi hành án dân sự	40										40
38	Trường Mầm non số 1 TT Tân Uyên	7.603	7.603									
39	Trường Mầm non số 2 TT Tân Uyên	6.279	6.279									
40	Trường Mầm non Thân Thuộc	4.464	4.464									
41	Trường Mầm non Trung Đồng	5.391	5.391									
42	Trường Mầm non Pắc Ta	5.155	5.155									
43	Trường Mầm non Hồ Mít	4.161	4.161									
44	Trường Mầm non Phúc Khoa	4.438	4.438									
45	Trường Mầm non Mường Khoa	6.947	6.947									



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
							Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
46	Trường Mầm non Nậm Cắn	2.582	2.582									
47	Trường Mầm non Nậm Sỏ	7.239	7.239									
48	Trường Mầm non Tà Mít	1.547	1.547									
49	Trường Tiểu học số 1 TT Tân Uyên	8.480	8.480									
50	Trường Tiểu học số 2 TT Tân Uyên	11.596	11.596									
51	Trường Tiểu học xã Thân Thuộc	6.139	6.139									
52	Trường Tiểu học xã Trung Đồng	9.749	9.749									
53	Trường Tiểu học xã Pắc Ta	8.616	8.616									
54	Trường PTDTBT TH xã Hồ Mít	6.851	6.851									
55	Trường Tiểu học xã Phúc Khoa	5.734	5.734									
56	Trường Tiểu học Mường Khoa	9.648	9.648									
57	Trường Tiểu học Nậm Cắn	4.689	4.689									
58	Trường Tiểu học Nậm Sỏ	9.537	9.537									
59	Trường THCS TT Tân Uyên	6.044	6.044									
60	Trường THCS Hoàng Liên	4.826	4.826									
61	Trường THCS Thân Thuộc	3.151	3.151									
62	Trường THCS Trung Đồng	6.022	6.022									
63	Trường THCS Pắc Ta	3.984	3.984									
64	Trường THCS Hồ Mít	4.004	4.004									
65	Trường THCS Phúc Khoa	3.398	3.398									
66	Trường THCS Mường Khoa	5.192	5.192									
67	Trường THCS Nậm Cắn	2.407	2.407									
68	Trường THCS Nậm Sỏ	5.944	5.944									
69	Trường Tiểu học THCS Tà Mít	3.910	3.910									
70	Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (LCT)	4.269					4.269					
71	Chưa phân bổ	7.162	2.250				3.483			583	846	

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCKH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi NSDP
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	817	817	485	332	52.536	-	-	53.353
1	Thị trấn Tân Uyên	463	463	153	310	9.096			9.559
2	Xã Phúc Khoa	30	30	27	3	4.355			4.385
3	Xã Pắc Ta	83	83	75	8	4.618			4.701
4	Xã Hồ Mít	10	10	10	-	4.618			4.628
5	Xã Tà Mít	10	10	10	-	3.327			3.337
6	Xã Trung Đồng	51	51	50	1	5.685			5.736
7	Xã Thân Thuộc	56	56	50	6	4.280			4.336
8	Xã Mường Khoa	75	75	73	2	5.667			5.742
9	Xã Nậm Cắn	18	18	17	1	4.349			4.367
10	Xã Nậm Sỏ	21	21	20	1	6.541			6.562

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH
TỪNG XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 735/BC-TCKH ngày 07/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	2.660	-	2.660	-
1	Thị trấn Tân Uyên	209		209	
2	Xã Hố Mít	192		192	
3	Xã Trung Đồng	350		350	
4	Xã Thân Thuộc	270		270	
5	Xã Mường Khoa	1.234		1.234	
6	Xã Nậm Sỏ	405		405	